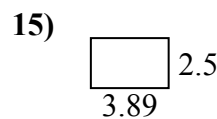
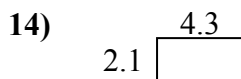
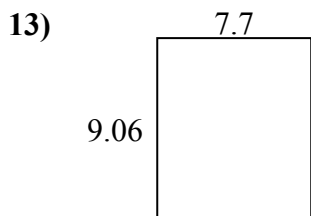
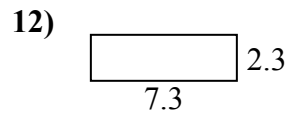
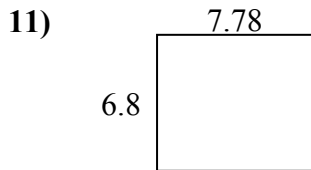
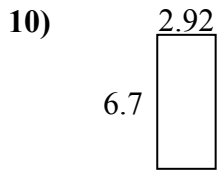
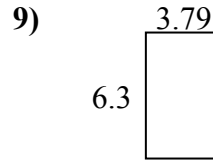
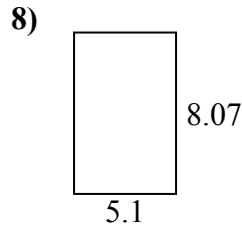
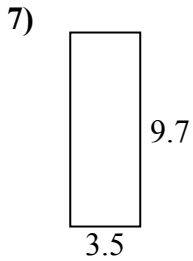
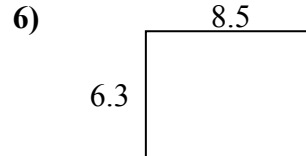
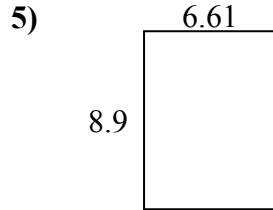
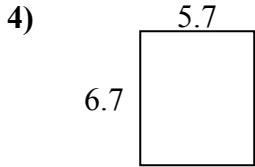
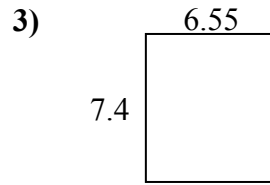
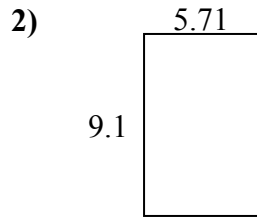
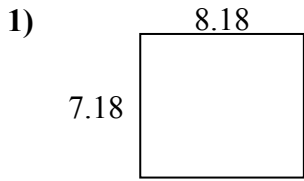




Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.

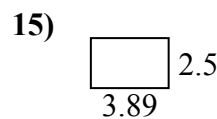
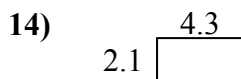
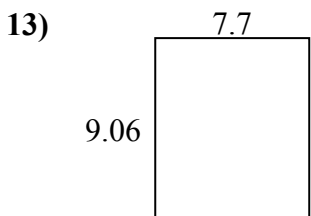
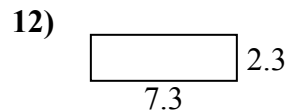
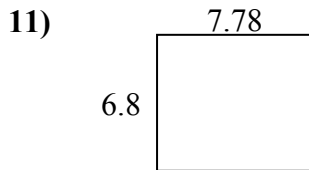
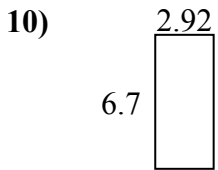
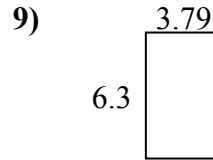
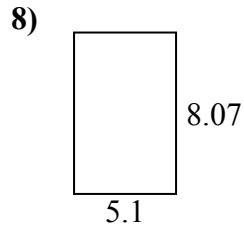
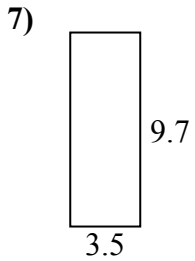
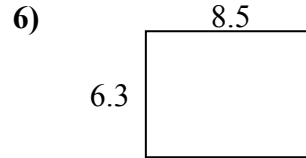
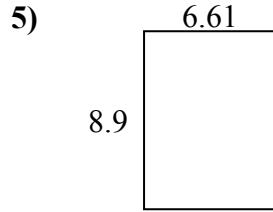
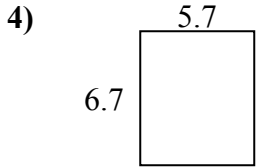
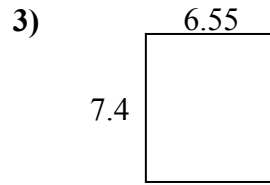
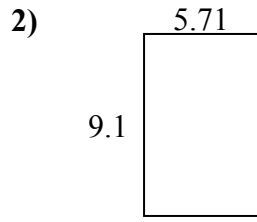
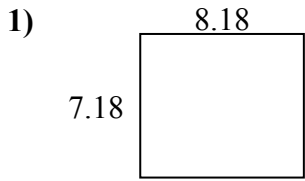


Câu trả lời

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____
11. _____
12. _____
13. _____
14. _____
15. _____



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.

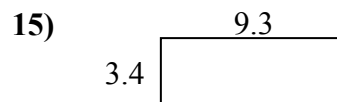
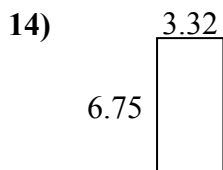
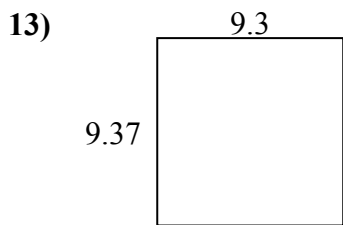
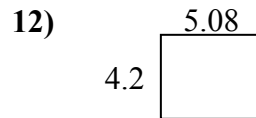
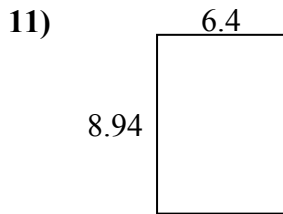
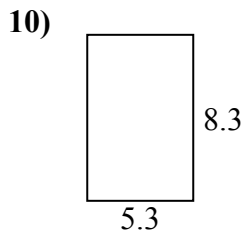
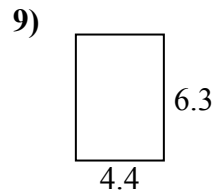
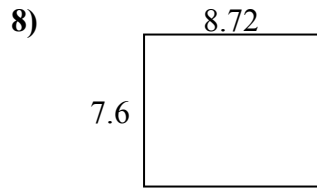
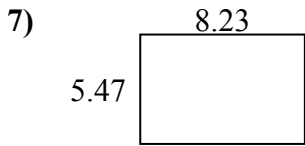
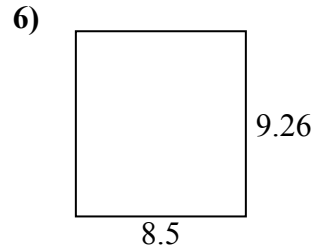
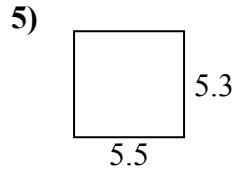
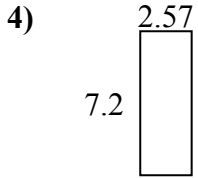
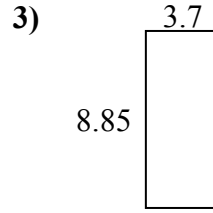
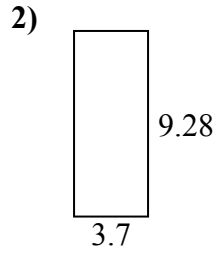
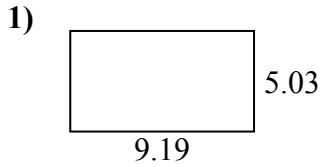


Câu trả lời

| | | |
|-----|-------------|-------------|
| 1. | <u>58,7</u> | <u>30,7</u> |
| 2. | <u>52,0</u> | <u>29,6</u> |
| 3. | <u>48,5</u> | <u>27,9</u> |
| 4. | <u>38,2</u> | <u>24,8</u> |
| 5. | <u>58,8</u> | <u>31,0</u> |
| 6. | <u>53,6</u> | <u>29,6</u> |
| 7. | <u>34,0</u> | <u>26,4</u> |
| 8. | <u>41,2</u> | <u>26,3</u> |
| 9. | <u>23,9</u> | <u>20,2</u> |
| 10. | <u>19,6</u> | <u>19,2</u> |
| 11. | <u>52,9</u> | <u>29,2</u> |
| 12. | <u>16,8</u> | <u>19,2</u> |
| 13. | <u>69,8</u> | <u>33,5</u> |
| 14. | <u>9,0</u> | <u>12,8</u> |
| 15. | <u>9,7</u> | <u>12,8</u> |



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.

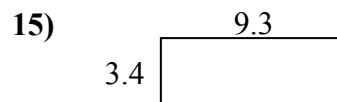
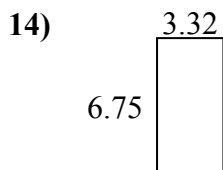
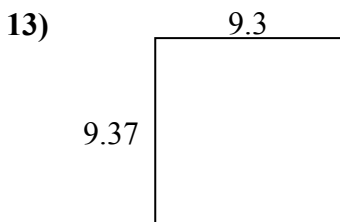
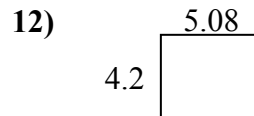
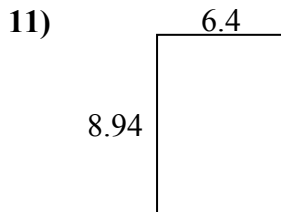
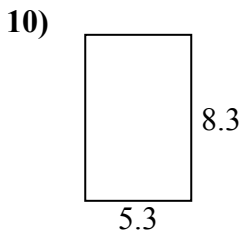
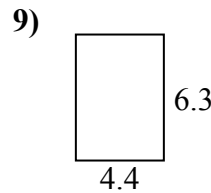
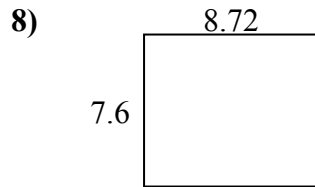
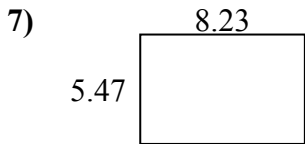
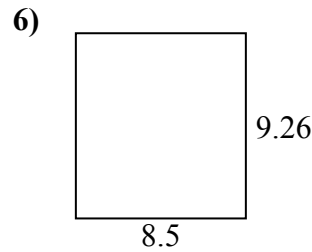
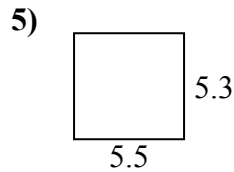
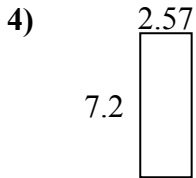
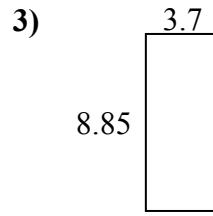
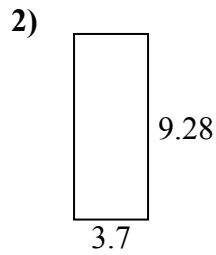
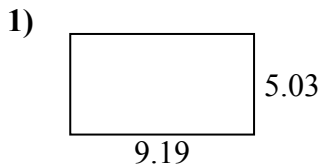


Câu trả lời

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____
11. _____
12. _____
13. _____
14. _____
15. _____



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.



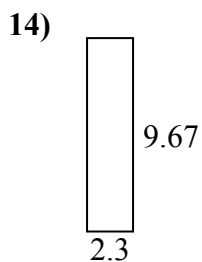
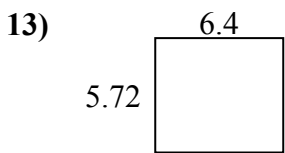
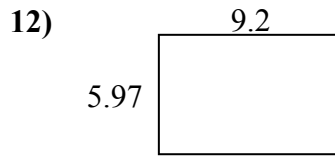
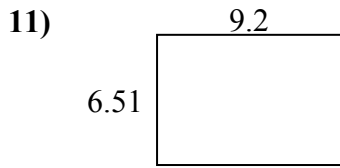
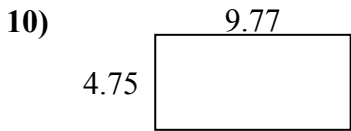
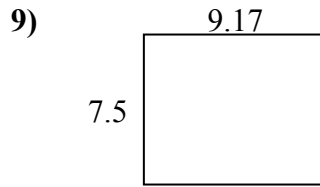
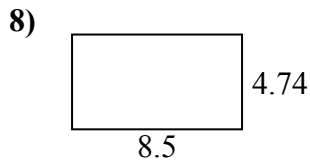
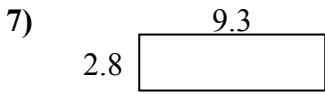
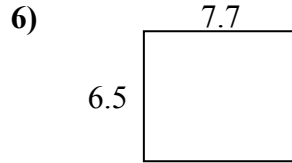
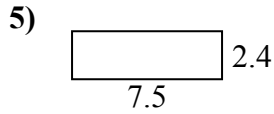
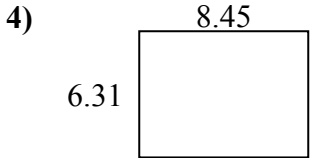
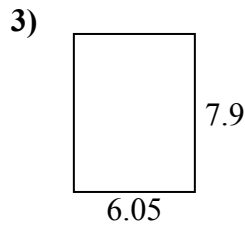
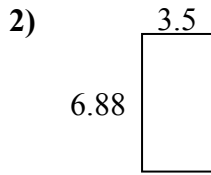
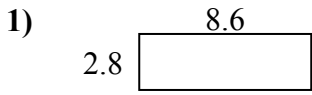
Câu trả lời

| | | |
|-----|-------------|-------------|
| 1. | <u>46,2</u> | <u>28,4</u> |
| 2. | <u>34,3</u> | <u>26,0</u> |
| 3. | <u>32,7</u> | <u>25,1</u> |
| 4. | <u>18,5</u> | <u>19,5</u> |
| 5. | <u>29,2</u> | <u>21,6</u> |
| 6. | <u>78,7</u> | <u>35,5</u> |
| 7. | <u>45,0</u> | <u>27,4</u> |
| 8. | <u>66,3</u> | <u>32,6</u> |
| 9. | <u>27,7</u> | <u>21,4</u> |
| 10. | <u>44,0</u> | <u>27,2</u> |
| 11. | <u>57,2</u> | <u>30,7</u> |
| 12. | <u>21,3</u> | <u>18,6</u> |
| 13. | <u>87,1</u> | <u>37,3</u> |
| 14. | <u>22,4</u> | <u>20,1</u> |
| 15. | <u>31,6</u> | <u>25,4</u> |



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.

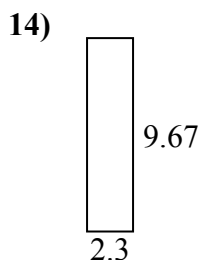
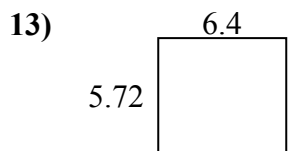
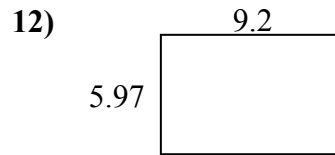
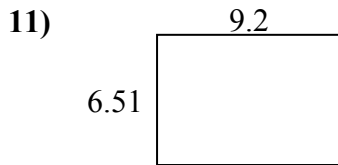
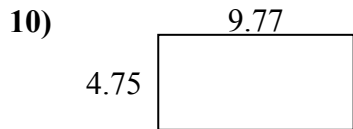
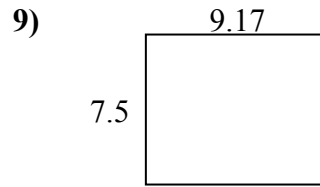
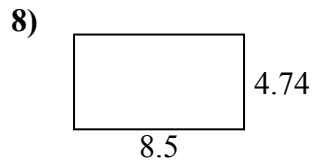
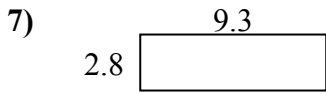
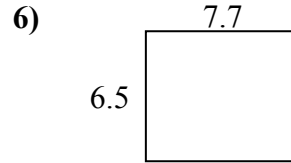
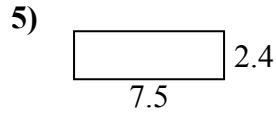
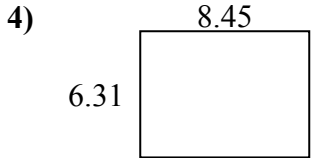
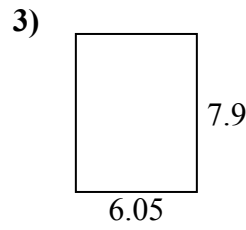
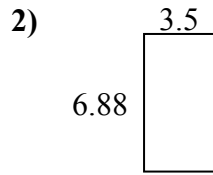
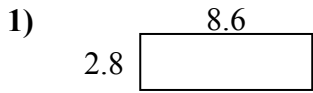
Câu trả lời



1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____
11. _____
12. _____
13. _____
14. _____
15. _____



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.

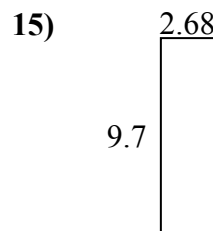
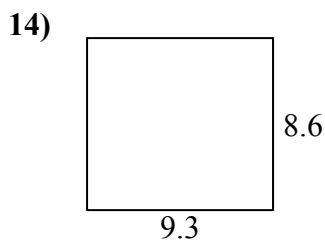
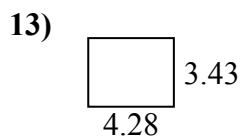
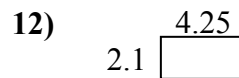
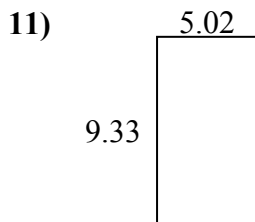
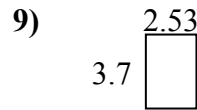
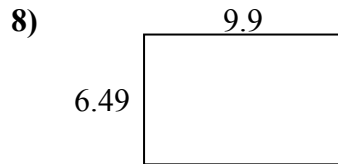
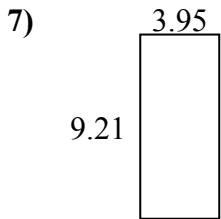
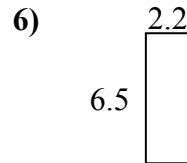
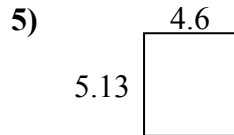
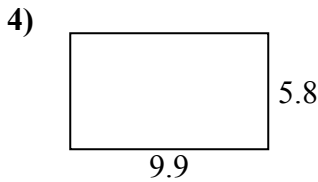
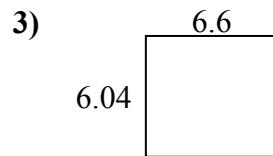
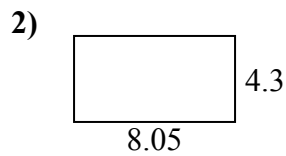
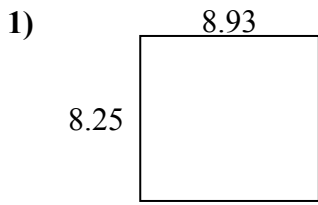


Câu trả lời

| | | |
|-----|-------------|-------------|
| 1. | <u>24,1</u> | <u>22,8</u> |
| 2. | <u>24,1</u> | <u>20,8</u> |
| 3. | <u>47,8</u> | <u>27,9</u> |
| 4. | <u>53,3</u> | <u>29,5</u> |
| 5. | <u>18,0</u> | <u>19,8</u> |
| 6. | <u>50,1</u> | <u>28,4</u> |
| 7. | <u>26,0</u> | <u>24,2</u> |
| 8. | <u>40,3</u> | <u>26,5</u> |
| 9. | <u>68,8</u> | <u>33,3</u> |
| 10. | <u>46,4</u> | <u>29,0</u> |
| 11. | <u>59,9</u> | <u>31,4</u> |
| 12. | <u>54,9</u> | <u>30,3</u> |
| 13. | <u>36,6</u> | <u>24,2</u> |
| 14. | <u>22,2</u> | <u>23,9</u> |
| 15. | <u>13,8</u> | <u>15,8</u> |



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.

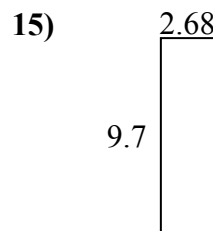
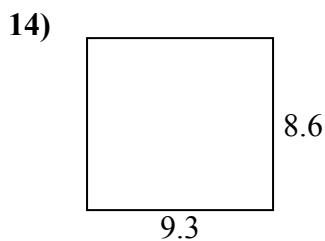
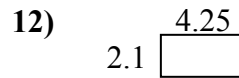
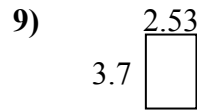
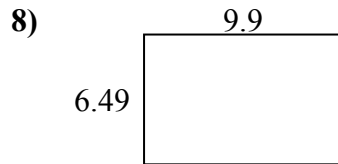
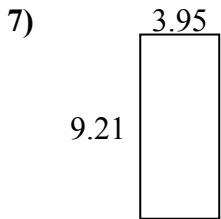
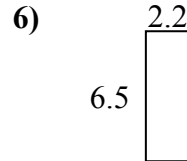
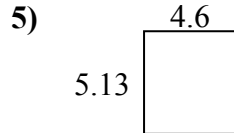
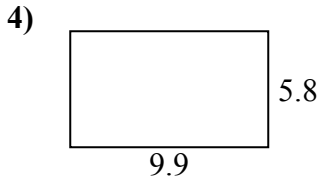
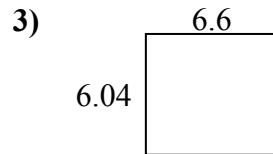
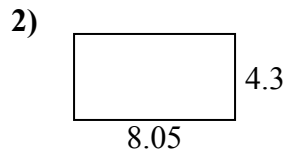
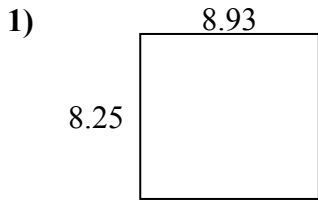


Câu trả lời

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____
11. _____
12. _____
13. _____
14. _____
15. _____



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.

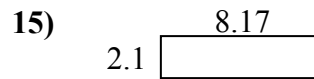
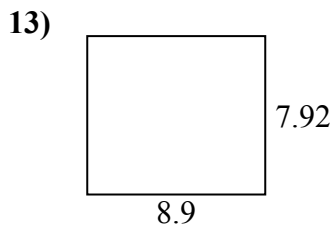
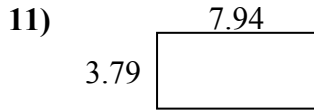
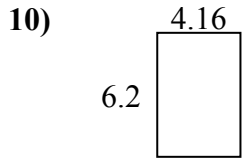
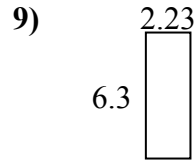
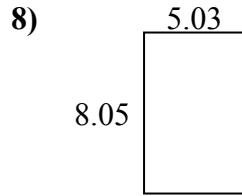
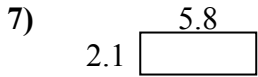
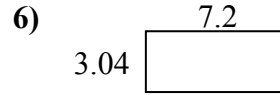
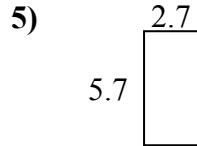
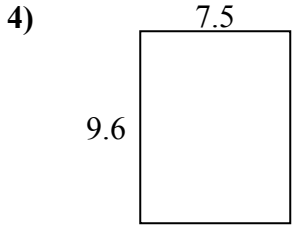
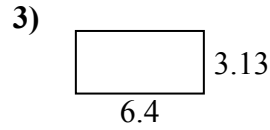
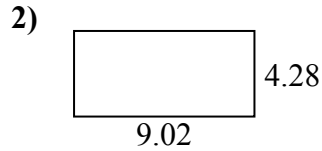


Câu trả lời

| | | |
|-----|-------------|-------------|
| 1. | <u>73,7</u> | <u>34,4</u> |
| 2. | <u>34,6</u> | <u>24,7</u> |
| 3. | <u>39,9</u> | <u>25,3</u> |
| 4. | <u>57,4</u> | <u>31,4</u> |
| 5. | <u>23,6</u> | <u>19,5</u> |
| 6. | <u>14,3</u> | <u>17,4</u> |
| 7. | <u>36,4</u> | <u>26,3</u> |
| 8. | <u>64,3</u> | <u>32,8</u> |
| 9. | <u>9,4</u> | <u>12,5</u> |
| 10. | <u>25,2</u> | <u>21,4</u> |
| 11. | <u>46,8</u> | <u>28,7</u> |
| 12. | <u>8,9</u> | <u>12,7</u> |
| 13. | <u>14,7</u> | <u>15,4</u> |
| 14. | <u>80,0</u> | <u>35,8</u> |
| 15. | <u>26,0</u> | <u>24,8</u> |



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.

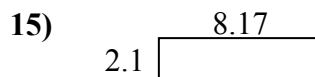
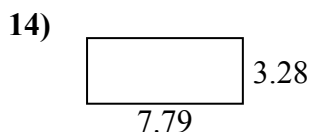
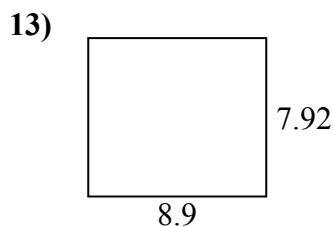
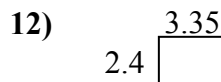
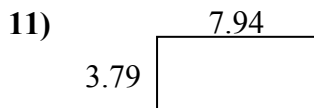
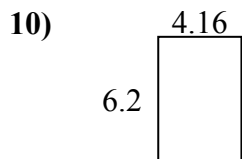
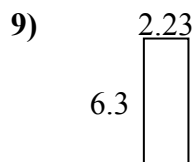
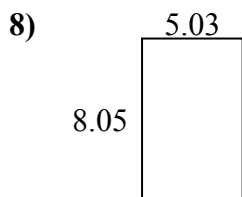
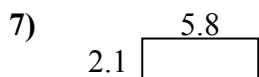
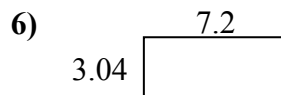
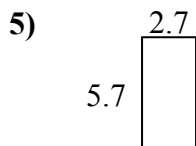
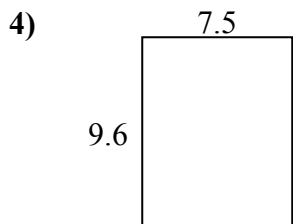
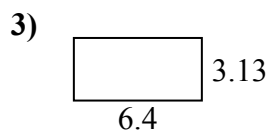
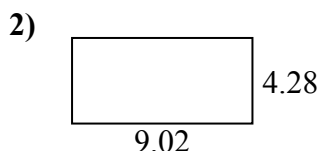
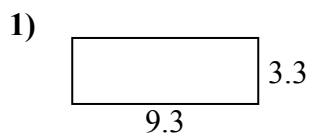


Câu trả lời

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____
11. _____
12. _____
13. _____
14. _____
15. _____



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.

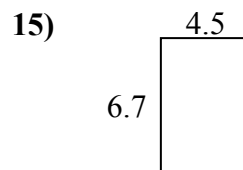
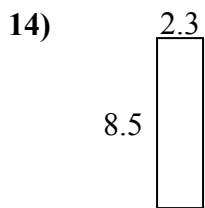
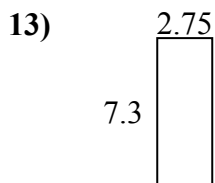
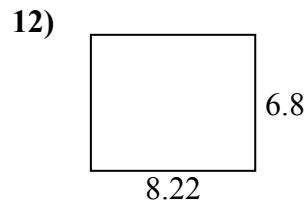
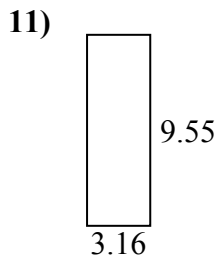
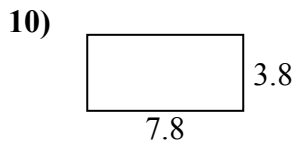
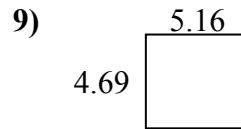
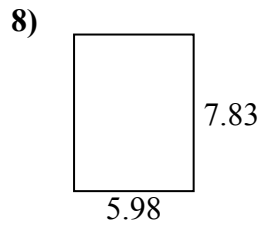
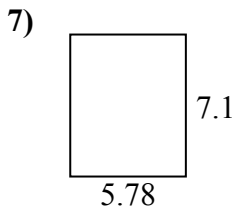
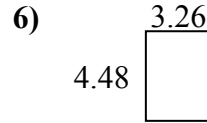
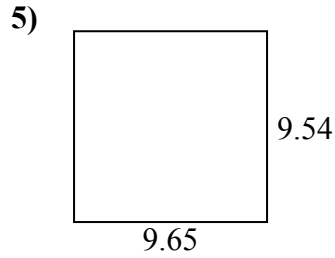
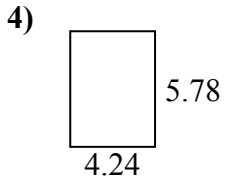
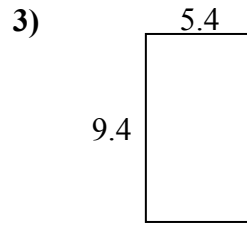
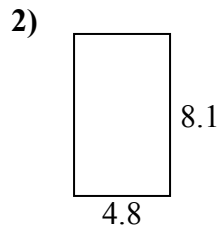
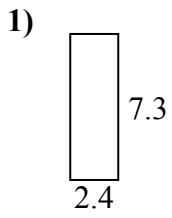


Câu trả lời

| | | |
|-----|-------------|-------------|
| 1. | <u>30,7</u> | <u>25,2</u> |
| 2. | <u>38,6</u> | <u>26,6</u> |
| 3. | <u>20,0</u> | <u>19,1</u> |
| 4. | <u>72,0</u> | <u>34,2</u> |
| 5. | <u>15,4</u> | <u>16,8</u> |
| 6. | <u>21,9</u> | <u>20,5</u> |
| 7. | <u>12,2</u> | <u>15,8</u> |
| 8. | <u>40,5</u> | <u>26,2</u> |
| 9. | <u>14,0</u> | <u>17,1</u> |
| 10. | <u>25,8</u> | <u>20,7</u> |
| 11. | <u>30,1</u> | <u>23,5</u> |
| 12. | <u>8,0</u> | <u>11,5</u> |
| 13. | <u>70,5</u> | <u>33,6</u> |
| 14. | <u>25,6</u> | <u>22,1</u> |
| 15. | <u>17,2</u> | <u>20,5</u> |



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.

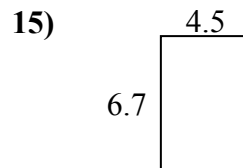
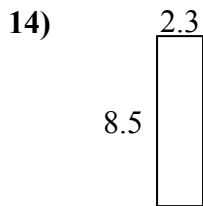
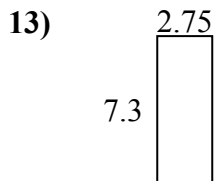
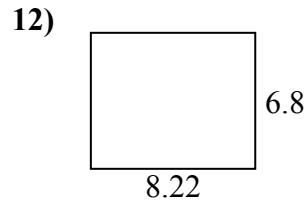
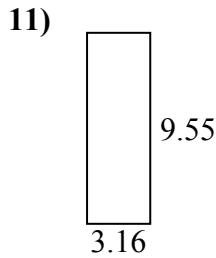
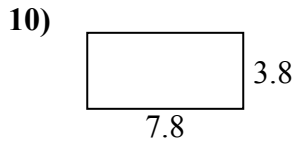
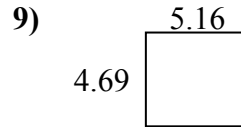
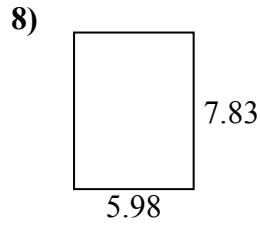
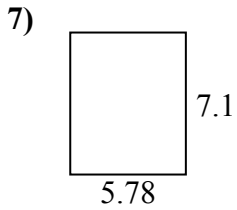
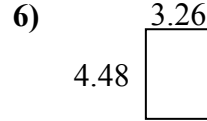
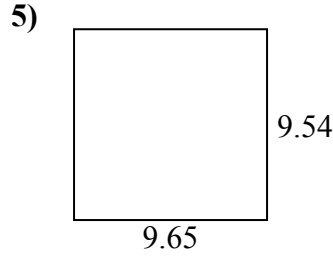
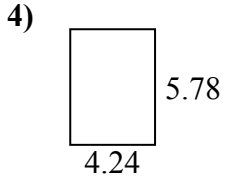
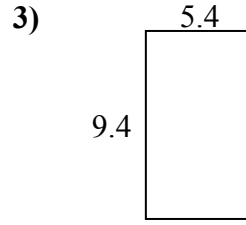
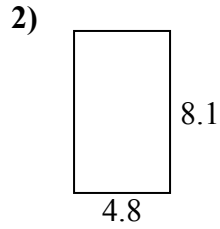
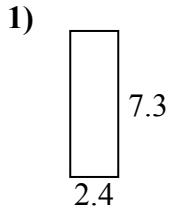


Câu trả lời

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____
11. _____
12. _____
13. _____
14. _____
15. _____



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.

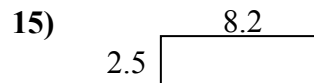
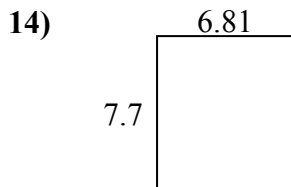
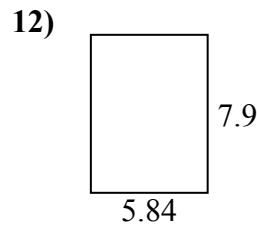
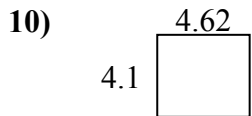
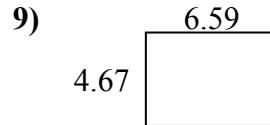
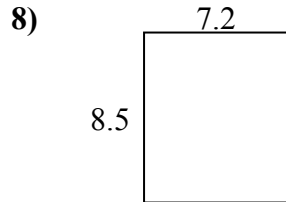
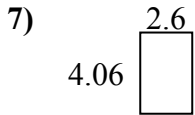
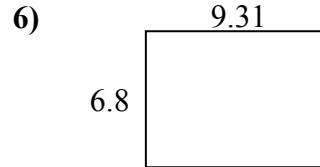
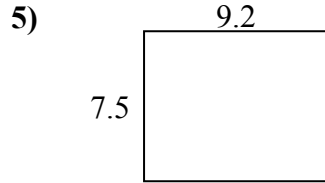
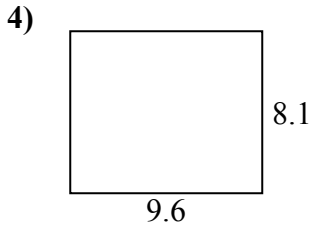
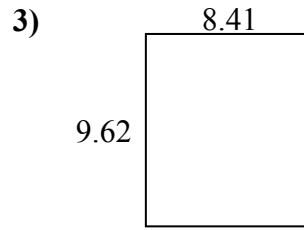
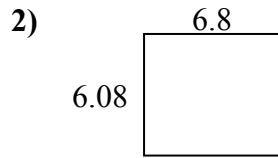
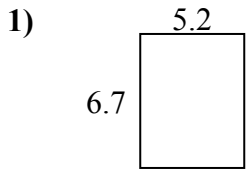


Câu trả lời

| | | |
|-----|-------------|-------------|
| 1. | <u>17,5</u> | <u>19,4</u> |
| 2. | <u>38,9</u> | <u>25,8</u> |
| 3. | <u>50,8</u> | <u>29,6</u> |
| 4. | <u>24,5</u> | <u>20,0</u> |
| 5. | <u>92,1</u> | <u>38,4</u> |
| 6. | <u>14,6</u> | <u>15,5</u> |
| 7. | <u>41,0</u> | <u>25,8</u> |
| 8. | <u>46,8</u> | <u>27,6</u> |
| 9. | <u>24,2</u> | <u>19,7</u> |
| 10. | <u>29,6</u> | <u>23,2</u> |
| 11. | <u>30,2</u> | <u>25,4</u> |
| 12. | <u>55,9</u> | <u>30,0</u> |
| 13. | <u>20,1</u> | <u>20,1</u> |
| 14. | <u>19,6</u> | <u>21,6</u> |
| 15. | <u>30,2</u> | <u>22,4</u> |



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.

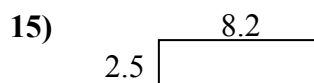
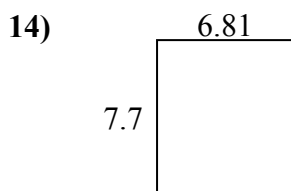
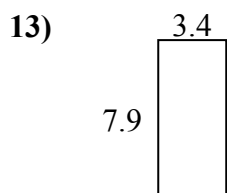
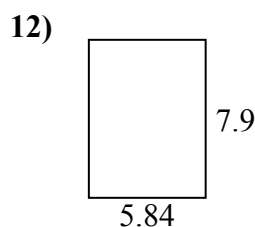
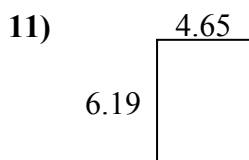
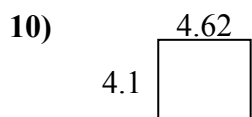
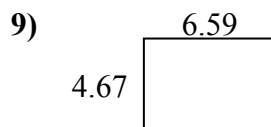
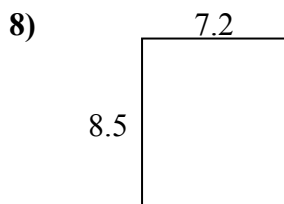
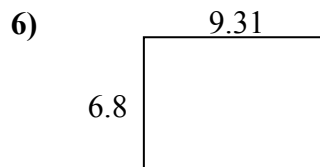
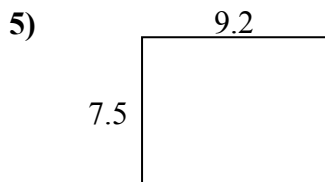
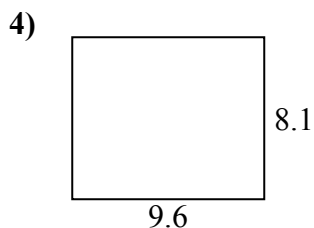
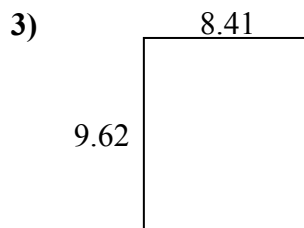
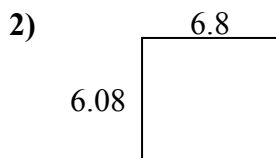
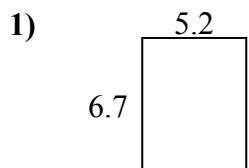


Câu trả lời

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____
11. _____
12. _____
13. _____
14. _____
15. _____



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.

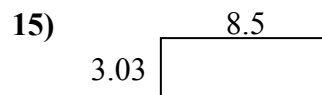
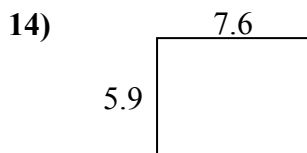
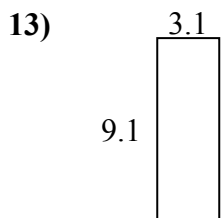
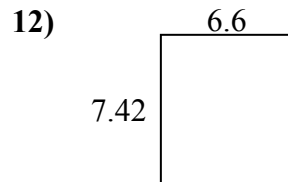
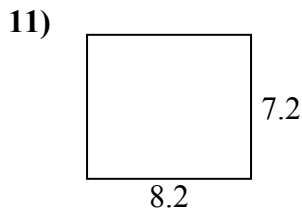
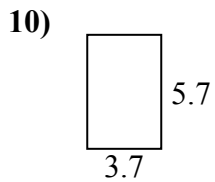
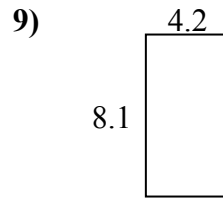
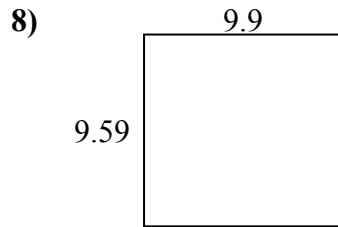
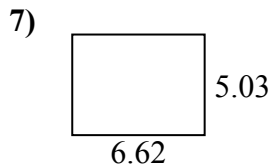
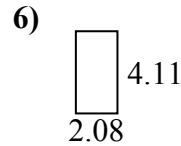
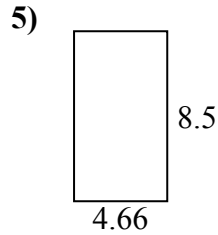
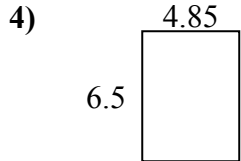
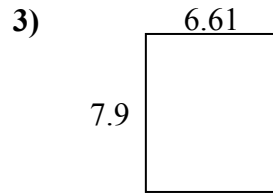
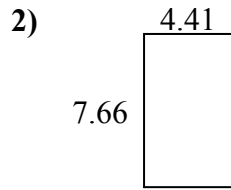
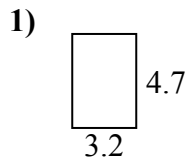


Câu trả lời

| | | |
|-----|-------------|-------------|
| 1. | <u>34,8</u> | <u>23,8</u> |
| 2. | <u>41,3</u> | <u>25,8</u> |
| 3. | <u>80,9</u> | <u>36,1</u> |
| 4. | <u>77,8</u> | <u>35,4</u> |
| 5. | <u>69,0</u> | <u>33,4</u> |
| 6. | <u>63,3</u> | <u>32,2</u> |
| 7. | <u>10,6</u> | <u>13,3</u> |
| 8. | <u>61,2</u> | <u>31,4</u> |
| 9. | <u>30,8</u> | <u>22,5</u> |
| 10. | <u>18,9</u> | <u>17,4</u> |
| 11. | <u>28,8</u> | <u>21,7</u> |
| 12. | <u>46,1</u> | <u>27,5</u> |
| 13. | <u>26,9</u> | <u>22,6</u> |
| 14. | <u>52,4</u> | <u>29,0</u> |
| 15. | <u>20,5</u> | <u>21,4</u> |



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.

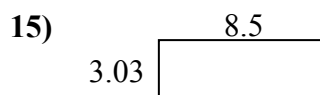
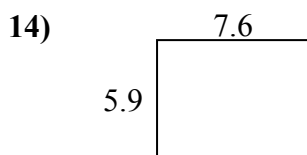
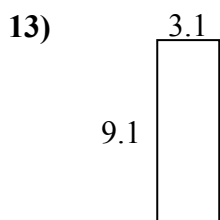
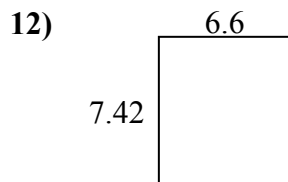
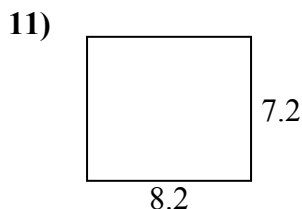
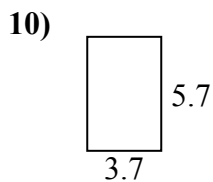
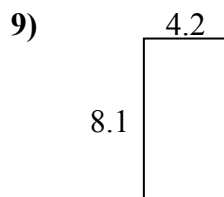
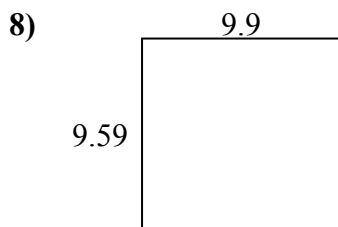
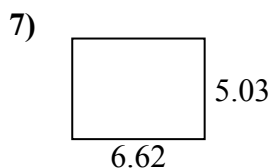
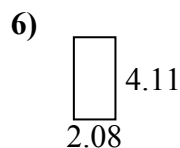
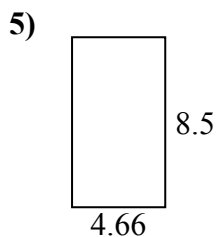
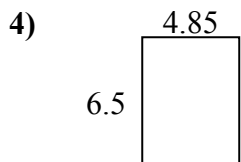
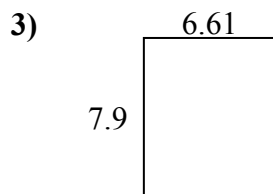
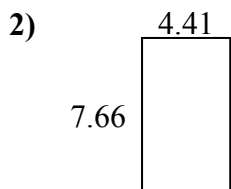
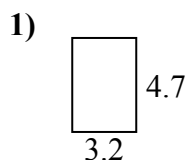


Câu trả lời

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____
11. _____
12. _____
13. _____
14. _____
15. _____



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.

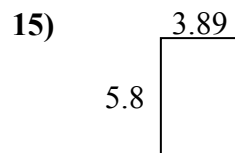
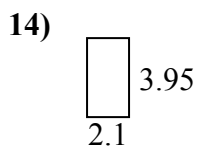
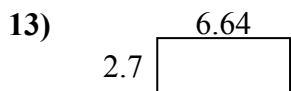
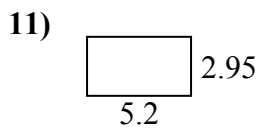
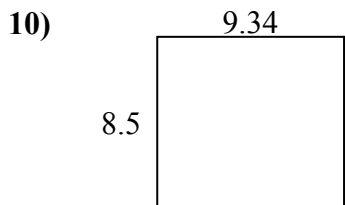
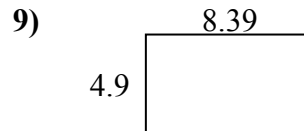
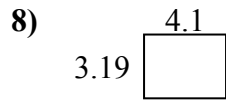
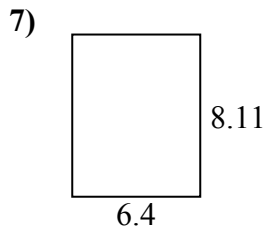
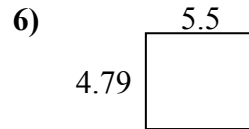
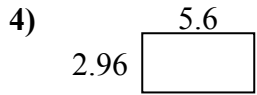
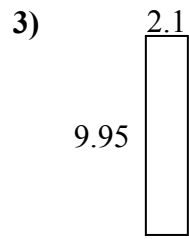
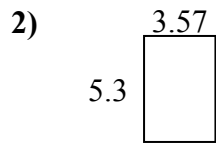
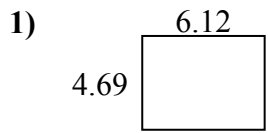


Câu trả lời

| | | |
|-----|-------------|-------------|
| 1. | <u>15,0</u> | <u>15,8</u> |
| 2. | <u>33,8</u> | <u>24,1</u> |
| 3. | <u>52,2</u> | <u>29,0</u> |
| 4. | <u>31,5</u> | <u>22,7</u> |
| 5. | <u>39,6</u> | <u>26,3</u> |
| 6. | <u>8,5</u> | <u>12,4</u> |
| 7. | <u>33,3</u> | <u>23,3</u> |
| 8. | <u>94,9</u> | <u>39,0</u> |
| 9. | <u>34,0</u> | <u>24,6</u> |
| 10. | <u>21,1</u> | <u>18,8</u> |
| 11. | <u>59,0</u> | <u>30,8</u> |
| 12. | <u>49,0</u> | <u>28,0</u> |
| 13. | <u>28,2</u> | <u>24,4</u> |
| 14. | <u>44,8</u> | <u>27,0</u> |
| 15. | <u>25,8</u> | <u>23,1</u> |



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.

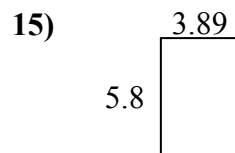
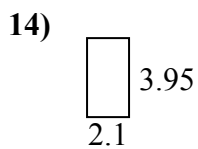
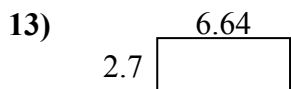
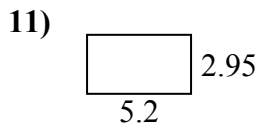
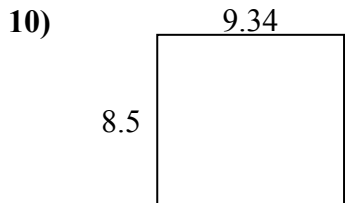
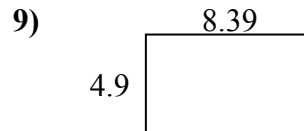
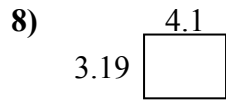
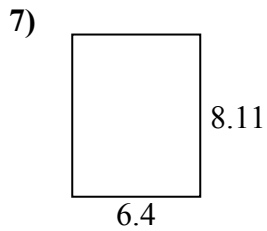
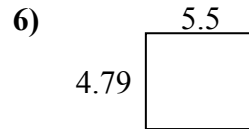
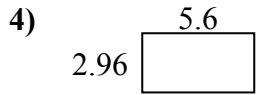
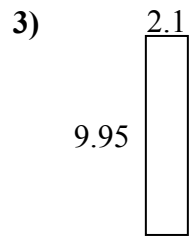
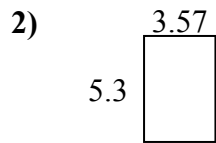
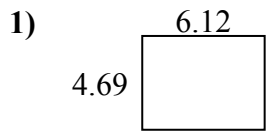


Câu trả lời

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____
11. _____
12. _____
13. _____
14. _____
15. _____



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.

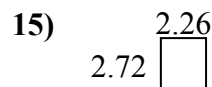
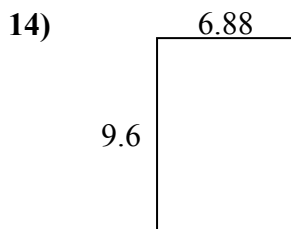
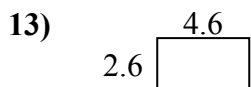
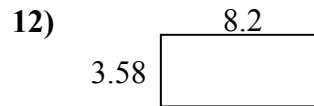
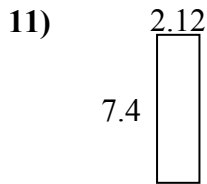
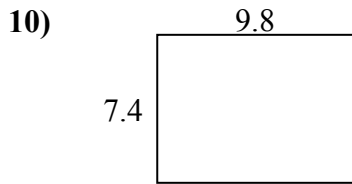
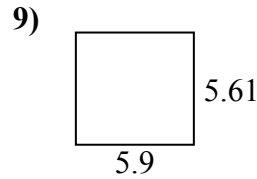
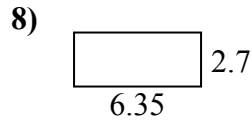
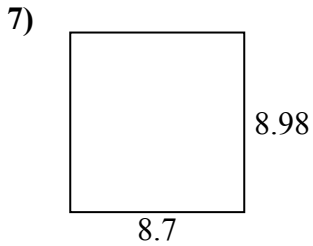
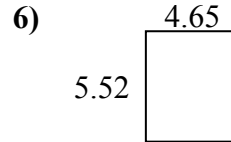
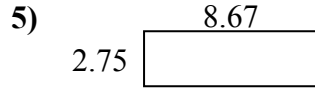
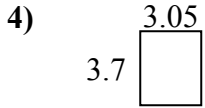
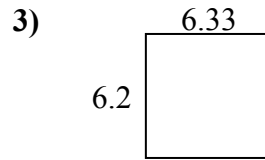
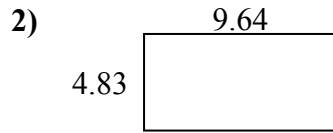
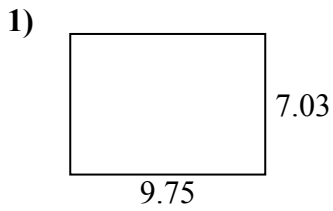


Câu trả lời

| | | |
|-----|-------------|-------------|
| 1. | <u>28,7</u> | <u>21,6</u> |
| 2. | <u>18,9</u> | <u>17,7</u> |
| 3. | <u>20,9</u> | <u>24,1</u> |
| 4. | <u>16,6</u> | <u>17,1</u> |
| 5. | <u>59,7</u> | <u>31,5</u> |
| 6. | <u>26,3</u> | <u>20,6</u> |
| 7. | <u>51,9</u> | <u>29,0</u> |
| 8. | <u>13,1</u> | <u>14,6</u> |
| 9. | <u>41,1</u> | <u>26,6</u> |
| 10. | <u>79,4</u> | <u>35,7</u> |
| 11. | <u>15,3</u> | <u>16,3</u> |
| 12. | <u>20,7</u> | <u>18,3</u> |
| 13. | <u>17,9</u> | <u>18,7</u> |
| 14. | <u>8,3</u> | <u>12,1</u> |
| 15. | <u>22,6</u> | <u>19,4</u> |



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.

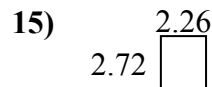
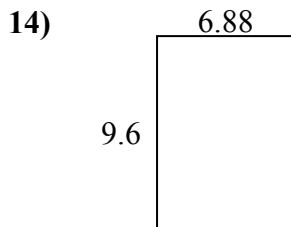
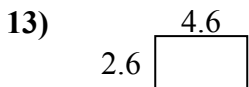
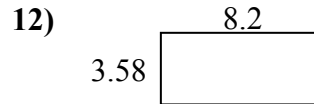
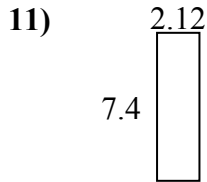
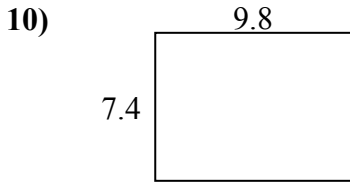
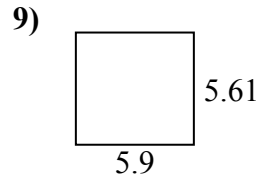
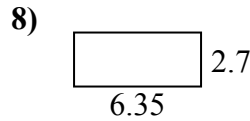
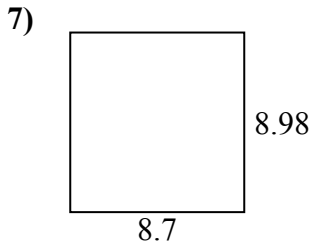
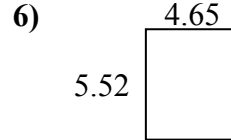
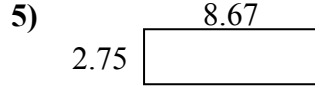
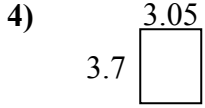
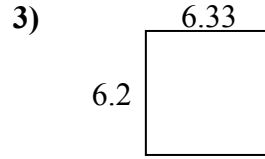
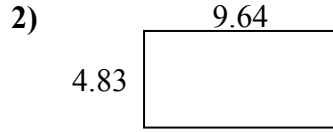
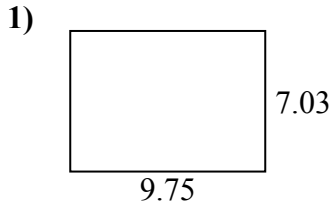


Câu trả lời

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____
11. _____
12. _____
13. _____
14. _____
15. _____



Tìm chu vi và diện tích của mỗi hình. Trả lời đến ngày 10 gần nhất.



Câu trả lời

| | | |
|-----|-------------|-------------|
| 1. | <u>68,5</u> | <u>33,6</u> |
| 2. | <u>46,6</u> | <u>28,9</u> |
| 3. | <u>39,2</u> | <u>25,1</u> |
| 4. | <u>11,3</u> | <u>13,5</u> |
| 5. | <u>23,8</u> | <u>22,8</u> |
| 6. | <u>25,7</u> | <u>20,3</u> |
| 7. | <u>78,1</u> | <u>35,4</u> |
| 8. | <u>17,1</u> | <u>18,1</u> |
| 9. | <u>33,1</u> | <u>23,0</u> |
| 10. | <u>72,5</u> | <u>34,4</u> |
| 11. | <u>15,7</u> | <u>19,0</u> |
| 12. | <u>29,4</u> | <u>23,6</u> |
| 13. | <u>12,0</u> | <u>14,4</u> |
| 14. | <u>66,0</u> | <u>33,0</u> |
| 15. | <u>6,1</u> | <u>10,0</u> |